TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23-4-2020
V/v Ly hôn giữa chị Ro và anh Sê.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đông Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Việt Hồng Phượng

Ông Lê Thanh Sơn

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành *tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 426/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về "Ly hôn" theo Quyết định Đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 26/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị S Ro, sinh năm 1980 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)
ĐKHKTT: Tổ 3, ấp V H, xã V H, huyện C T, tỉnh An Giang.
Tạm trú: Tổ 9, ấp V H, xã V H, huyện C T, tỉnh An Giang.

2.Bị đơn: Anh M N Sê, sinh năm 1983 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Tổ 3, ấp V H, xã V H, huyện C T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai ngày 18-11-2019 và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị S Ro trình bày:

+Về hôn nhân: Chị và anh M N Sê kết hôn năm 2008, hôn nhân do mai mối, có tổ chức đám cưới. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã V H, huyện C T, tỉnh An Giang số 175/KH Quyển số 01/2009 ngày 23-9-2009. Sau khi cưới vợ chồng sống bên chồng, vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn về tiền bạc; anh Sê thường hay mắng chửi, thậm chí còn đánh chị. Sau khi xảy ra mâu thuẫn, chị có nhờ cha mẹ hai bên hòa giải để hàn gắn lại tình cảm nhưng không thành. Từ tháng 4/2016 vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, gia đình không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn với anh M N Sê.

+Về con chung: Có 02 con chung tên AB D R F, sinh ngày 10-02-2008 và A S Sạ, sinh ngày 22-10-2009. Hiện anh M N Sê đang nuôi con. Nếu ly hôn chị đồng ý để anh Sê được tiếp tục nuôi con.

+Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không cấp dưỡng nuôi con.

+Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25-02-2020, bị đơn anh M N Sê trình bày:

+Về hôn nhân: Anh và chị S Ro kết hôn năm 2008, hôn nhân do mai mối, có tổ chức đám cưới theo luật đạo. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã V H, huyện C T, tỉnh An Giang nhưng không nhớ rõ ngày tháng năm. Sau khi cưới Ro sống với gia đình anh, vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó Ro bỏ đi qua Trung Đông làm thuê đến năm 2018 mới trở về. Ro muốn ly hôn anh cũng đồng ý và anh đã trình bày ý kiến muốn ly hôn cho chùa biết. Nay anh đồng ý ly hôn Ro.

+Về con chung: Anh và Ro có 02 con chung tên AB D R F, sinh ngày 10-02-2008 và A S Sạ, sinh ngày 22-10-2009. Hiện anh đang nuôi con. F và Sạ đang học tại trường dân tộc nội trú tại tỉnh Trà Vinh. F và Sạ không thể đến tòa án để ghi lời khai. Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con.

+Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu Ro cấp dưỡng nuôi con.

+Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang phát biểu quan điểm như sau:

1/Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

2/Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung tiếp tục ổn định cho anh Sê nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đối với nguyên đơn chị S Ro, bị đơn anh M N Sê, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nguyên đơn chị Ro có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Sê vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng

Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung đối với nguyên đơn chị Ro và bị đơn anh Sê.

[2] *Về hôn nhân:* Chị S Ro và anh M N Sê kết hôn năm 2008. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã V H, huyện C T, tỉnh An Giang số 175/KH Quyển số 01/2009 ngày 23-9-2009 theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên hôn nhân này là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Chị Ro có yêu cầu ly hôn. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tổ chức hòa giải để hàn gắn lại tình cảm giữa chị Ro và anh Sê nhưng anh Sê không tham gia hòa giải. Tại biên bản lấy lời khai ngày 25-02-2020, anh Sê trình bày đồng ý ly hôn nhưng không tham gia hòa giải. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa chị Ro và anh Sê là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Hội đồng xét xử xét thấy nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là chị Ro được ly hôn với Sê là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] *Về con chung:* Chị S Ro và anh M N Sê có 02 con chung. Anh Sê đang nuôi 2 con. Chị Ro từ chối quyền nuôi con, đồng ý để anh Sê được tiếp tục nuôi 2 con.

Xét thấy: Cháu F và cháu Sạ đã trên 7 tuổi, hiện đang học tại trường dân tộc nội trú tại tỉnh Trà Vinh; không thể đến tòa án để ghi lời khai. Tại Văn bản yêu cầu xác minh, thu thập chứng cứ số 09/YC-VKS-DS ngày 17-3-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang yêu cầu Tòa án tiến hành xác minh lấy lời khai của cháu F và cháu Sạ xem có nguyện vọng được sống với cha hay mẹ. Chị Ro và anh Sê không tranh chấp việc nuôi con; chị Ro từ chối quyền nuôi con, đồng ý để anh Sê được tiếp tục nuôi 2 con; anh Sê cũng đồng ý được tiếp tục nuôi 2 con. Do đó, việc xác minh lấy lời khai của cháu F và cháu Sạ xem có nguyện vọng được sống với cha hay mẹ là không cần thiết. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, để không làm thay đổi cuộc sống cũng như sự phát triển tâm sinh lý của 2 cháu; Hội đồng xét xử xét thấy nên để cho anh Sê được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là phù hợp.

Anh M N Sê và các thành viên trong gia đình anh Sê không được cản trở chị S Ro trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại khoản 2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị S Ro lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Sê có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của chị Ro theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Anh M N Sê không yêu cầu chị S Ro cấp dưỡng nuôi con. Chị S Ro có ý kiến không cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị S Ro và anh M N Sê thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí:* Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, nguyên đơn chị S Ro phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006578 ngày 03-12-2019 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện C T, tỉnh An Giang.

[7] *Về quyền kháng cáo:* Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; nguyên đơn chị S Ro, bị đơn anh M N Sê vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Các Điều 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Các Điều 9, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

Xử:

[1] *Về hôn nhân:* Chị S Ro được ly hôn với anh M N Sê.

Giấy chứng nhận kết hôn số 175/KH Quyển số 01/2009 ngày 23-9-2009 của Ủy ban nhân dân xã V H, huyện C T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

[2] *Về con chung:* Anh M N Sê được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên AB D R F, sinh ngày 10-02-2008 và A S Sạ, sinh ngày 22-10-2009.

Anh M N Sê và các thành viên trong gia đình anh Sê không được cản trở chị S Ro trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại khoản 2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị S Ro lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Sê có quyền yêu

cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của chị Ro theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về án phí:* Nguyên đơn chị S Ro phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006578 ngày 03-12-2019 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện C T, tỉnh An Giang.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn chị S Ro, bị đơn anh M N Sê vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Đông Hoà

Nơi nhận:
-Các đương sự (để thi hành);
-Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
-Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành;
-Phòng Kiểm tra Nghiệp vụ - Thi hành án, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
-Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND xã V H, huyện C T, tỉnh An Giang;
-Lưu hồ sơ vụ án.